

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2018.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Xuân Hương.

2. Ông Nguyễn Thế Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Xuân Cầm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Đ, sinh năm 1990. Địa chỉ: Xóm 4, xã T S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989. Địa chỉ: Thôn A, xã L T, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20/9/2017 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Hồ Thị Đ trình bày như sau: Nguyên đơn và anh Nguyễn Văn H quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An vào ngày 10/02/2012. Sau khi kết hôn, vợ

chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến tháng 02/2016 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, anh H hay rượu chè, có hành vi đánh đập chị Đ, không quan tâm đến gia đình, chị Đ đã nhiều lần khuyên can, nhờ gia đình anh H khuyên giải, nhưng anh H vẫn không thay đổi; nên vợ chồng chị Đ, anh H đã sống ly thân từ tháng 01/2017. Nay chị Hồ Thị Đ xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Nguyễn Văn H nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Hồ Thị Đ trình bày vợ chồng có hai người con chung tên là Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 26/8/2012 và Nguyễn Thị Th A, sinh ngày 12/02/2014. Chị Đ yêu cầu giao người con chung Nguyễn Văn Kh cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao người con chung Nguyễn Thị Th A cho chị chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Quá trình từ khi vợ chồng sống ly thân, chị Đ đưa hai người con chung về nhà cha mẹ để ở Nghệ An sinh sống. Sau đó, anh H nói với chị Đ đưa cháu Nguyễn Văn Kh vào Huế để nuôi ăn học, nên chị Đ đồng ý. Tuy nhiên, anh H không cho cháu Kh đi học mà đưa cháu đi theo anh H làm ăn. Chị Đ nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Th A, nhưng đến ngày 14/11/2017 khi chị Đ vào Huế để nộp đơn khởi kiện ly hôn thì anh H đã đem cháu A về nhà cha mẹ để cho đến nay, không cho chị Đ gặp con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Kèm theo đơn khởi kiện, chị Hồ Thị Đ đã nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản sao giấy chứng minh nhân dân Hồ Thị Đ; bản chính giấy chứng nhận kết hôn bản sao giấy khai sinh các con chung Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thị Th A.

Tòa án nhân dân huyện P đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Nguyễn Văn H. Sau khi nhận được thông báo của Tòa án, anh H đã đến Tòa án trình bày: Về quá trình tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và thời điểm đăng ký kết hôn như chị Hồ Thị Đ đã trình bày là đúng. Về nguyên nhân để xảy ra mâu thuẫn vợ chồng như chị Đ trình bày thì anh H cũng thừa nhận anh có phần sai trái, anh H có uống rượu, không kìm chế được bản thân nên có đập phá một cái Tivi, dẫn đến chị Đ bỏ nhà đi từ tháng 01/2017. Quá trình vợ chồng sống ly thân, anh H có liên lạc với chị Đ nhiều lần qua điện thoại, nhưng chị Đ không trả lời. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ thì ý kiến anh H không đồng ý, anh H đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Về con chung anh H cũng thừa nhận có hai người con chung như ý kiến chị Đ đã trình bày. Đối với yêu cầu giải quyết nuôi con của chị Đ thì anh H không đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Th A cho chị Đ nuôi dưỡng, anh H yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai người con chung Nguyễn Văn Kh, Nguyễn Thị Th A và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung thì anh H thống nhất như ý kiến của chị Hồ Thị Đ đã trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, kể từ thời điểm Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Đối với Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại các điều 28, 35 và Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự; thu thập chứng cứ bảo đảm đúng quy định; thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát cùng cấp và tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đảm bảo; về thời hạn chuẩn bị xét xử bảo đảm đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thủ tục, trình tự xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn chị Hồ Thị Đ chấp hành đúng pháp luật và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn H cơ bản đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên anh H đã không có mặt trong phiên hòa giải ngày 14/12/2017, vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/01/2018 và tại phiên tòa hôm nay, làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Về các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về hôn nhân, chị Hồ Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An, nên việc kết hôn là hợp pháp. Quá trình chung sống đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, anh H có uống rượu, đập phá tài sản, không quan tâm đến gia đình. Từ đầu năm 2017 vợ chồng chị Đ, anh H đã sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đ với anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị Đ ly hôn anh H. Về con chung, chị Đ và anh H có hai người con chung tên là Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 26/8/2012 và Nguyễn Thị Th A, sinh ngày 12/02/2014, hiện nay cả hai người con chung đang sống với anh H. Chị Đ và anh H đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, nên cần giao cháu Nguyễn Văn Kh cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Th A cho chị Đ nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: chị Đ và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Từ những lập luận trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Đ. Về con chung: Đề nghị giao người con chung Nguyễn Văn Kh cho anh H nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị Th A cho chị Đ nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom

con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, không xem xét giải quyết; nợ chung không có. Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng đối với việc xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Hồ Thị Đ và bị đơn anh Nguyễn Văn H: Sau khi hoãn phiên tòa sơ thẩm ngày 25/01/2018, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự và ấn định lại thời gian mở phiên tòa vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 01/02/2018. Sau khi nhận được Quyết định hoãn phiên tòa, nguyên đơn chị Hồ Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt lần thứ hai nhưng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị Đ và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký vào ngày 10/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T S, huyện Đ, tỉnh Nghệ An. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Đ và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về quá trình hôn nhân giữa chị Đ và anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình sống chung, giữa chị Đ và anh H đã xảy ra nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã xúc phạm nhau, vợ chồng không tôn trọng nhau, không quan tâm, chăm sóc cho nhau, nên chị Đ và anh H đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay.

Mặc dù anh H có ý kiến xin hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng qua các lần hòa giải tại Tòa án, anh H không tìm những giải pháp phù hợp để hòa giải, khắc phục những mâu thuẫn vợ chồng; anh H đều vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm ngày 25/01/2018 và tại phiên tòa hôm nay (01/02/2018), chứng tỏ anh H không mong muốn hòa giải đoàn tụ vợ chồng; trong khi chị Đ cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H. Xét thấy, chị Đ và anh H đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Hồ Thị Đ; không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Chị Hồ Thị Đ và anh Nguyễn Văn H có hai người con chung tên là Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 26/8/2012 và Nguyễn Thị Th A, sinh ngày 12/02/2014, hiện nay cả hai người con chung đang sống với anh H. Xét thấy, cả chị Đ và anh H đều có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung; việc chị Đ không được tiếp

tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Th A là do anh H tự ý đưa cháu A đi mà không được sự đồng ý của chị Đ; nên để đảm bảo quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì cần giao cháu Nguyễn Văn Kh cho anh H, giao cháu Nguyễn Thị Th A cho chị Đ nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Kh, A đủ 18 tuổi là phù hợp; chị Đ, anh H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Đ và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; về nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hồ Thị Đ, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh Nguyễn Văn H; chị Hồ Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về việc nuôi con: Giao người con chung tên là Nguyễn Văn Kh, sinh ngày 26/8/2012 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao người con chung tên là Nguyễn Thị Th A, sinh ngày 12/02/2014 cho chị Hồ Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị Hồ Thị Đ và anh Nguyễn Văn H không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hồ Thị Đ và anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị Đ và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nợ chung không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục I phần A danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Hồ Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000

đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/001697, ngày 14/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đương sự;
- UBND xã T S, Đ, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Ngọc Tú